

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2016

Số : *1371*/QLCL-CL1

V/v kiểm tra, chứng nhận ATTP đối với
lô hàng cá bộ Siluriformes xuất khẩu vào
Hoa Kỳ

Kính gửi:

- Các cơ sở chế biến xuất khẩu cá bộ Siluriformes vào Hoa Kỳ;
- Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP);
- Các Trung tâm Chất lượng Nông lâm thủy sản vùng.

Ngày 29/6/2016, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có quyết định số 2636/QĐ-BNN-QLCL về việc kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm đối với lô hàng cá bộ Siluriformes xuất khẩu vào Hoa Kỳ (văn bản gửi kèm), theo đó, từng lô hàng cá bộ Siluriformes xuất khẩu vào Hoa Kỳ từ ngày 15/7/2016 đến 15/10/2016 sẽ phải kiểm tra, lấy mẫu kiểm nghiệm và chứng nhận an toàn thực phẩm. Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Điều 3 Quyết định số 2636/QĐ-BNN-QLCL, Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm thủy sản thông báo và hướng dẫn việc kiểm tra, chứng nhận như sau:

1. Đối tượng kiểm tra:

Các lô hàng cá bộ Siluriformes (cá tra, cá basa, cá trê, cá lăng, cá bông lau,... tham khảo danh mục các loài cá bộ Siluriformes phổ biến tại Việt Nam nêu tại Phụ lục 1) được sản xuất tại các cơ sở có tên trong danh sách được phép xuất khẩu cá và sản phẩm từ cá bộ Siluriformes vào Hoa Kỳ do FSIS chấp thuận.

2. Thời gian áp dụng: Các lô hàng xuất khẩu từ ngày 15/7/2016 đến 15/10/2016.

3. Tần xuất, chỉ tiêu kiểm tra:

- 100% các lô hàng cá bộ Siluriformes xuất khẩu sang Hoa Kỳ.
- Chỉ tiêu kiểm tra, lấy mẫu kiểm nghiệm xin xem chi tiết lại phụ lục 2 gửi kèm.

4. Trình tự thủ tục đăng ký kiểm tra: Theo quy định tại các Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 33 và phụ lục XI Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu.

5. Điều kiện để lô hàng được phép xuất khẩu: Các lô hàng chỉ đủ điều kiện xuất khẩu khi được cấp giấy chứng nhận do các Trung tâm Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản cấp theo mẫu tại Phụ lục 3.

6. Chi phí kiểm nghiệm, cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại Thông tư

107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản.

7. Tổ chức thực hiện:

a. Các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu cá bộ Siluriformes vào thị trường Hoa Kỳ:

Thực hiện đăng ký kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm cho các lô hàng cá bộ Siluriformes xuất khẩu vào Hoa Kỳ từ ngày 15/7/2016 đến ngày 15/10/2016 theo đúng hướng dẫn tại công văn này.

b. Các Trung tâm Chất lượng Nông lâm Thủy sản vùng:

- Chuyển tiếp văn bản này tới các doanh nghiệp xuất khẩu cá bộ Siluriformes vào thị trường Hoa Kỳ trên địa bàn;

- Thực hiện tiếp nhận hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận ATTP cho các lô hàng cá bộ Siluriformes xuất khẩu vào Hoa Kỳ của các doanh nghiệp. Tổ chức kiểm tra, lấy mẫu kiểm nghiệm và cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục 3 cho các lô hàng theo đúng các hướng dẫn tại công văn này. Lưu ý tham khảo quy định về ghi nhãn của FSIS tại công văn hướng dẫn của Cục số 377/QLCL-CL1 ngày 08/3/2016.

- Tổng hợp kết quả kiểm tra, lấy mẫu kiểm nghiệm, cấp Giấy chứng nhận ATTP cho các lô hàng cá bộ Siluriformes xuất khẩu vào Hoa Kỳ theo Phụ lục 4 gửi kèm, báo cáo Cục trước ngày 22/10/2016.

c. Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP):

Phổ biến tới các doanh nghiệp hội viên (đặc biệt là các doanh nghiệp đang và sẽ xuất khẩu cá bộ Siluriformes sang thị trường Hoa Kỳ) về Quyết định 2636/QĐ-BNN-QLCL ngày 29/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và hướng dẫn của Cục về việc thực hiện Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các đơn vị kịp thời có văn bản báo về Cục để được hướng dẫn, phối hợp xử lý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Vũ Văn Tám (để b/c);
- PCT. Ngô Hồng Phong (để biết);
- CQCL TB/NB;
- Lưu VT, CL1.



**Phụ lục 1. Tên thương mại, tên khoa học một số loài cá bộ Siluriformes
phổ biến tại Việt Nam**

*(Ban hành kèm theo công văn số 1374 /QLCL-CL1 ngày 05 /7/2016
của Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản)*

TT	Tên chi	Tên thương mại (tiếng Việt)	Tên thương mại (Tiếng Anh)	Tên khoa học (Genus species)
1	Chi <i>Pangasius</i> (Chi cá tra, basa)	Cá tra, cá tra thường	Sutchi, Striped, Striped Pangasius, Swai, Pangasius fish, White river cobbler fish, Yellow river cobbler, Pangasius micronemus, White river cobbler, River cobbler, River cobbler fish, Creamy dory, Short barbel pangasius, Short barbel fish	<i>Pangasius hypophthalmus</i> (<i>Pangasius sutchi</i> , <i>Pangasius micronemus</i>)
		Cá Basa	Basa bocourti fish, Basa, Bocourti, Bocourti fish, Basa bocourti, Basafish, Pacific dory, Pangasius, Pangasius bocourti, Pangasius pangasius	<i>Pangasius bocourti</i>
		Cá dứa	Pangasius polyuranodon	<i>Pangasius polyuranodon</i>
		Cá tra dầu	Mekong Giant Pangasius	<i>Pangasius gigas</i>
		Cá vô cờ	Giant Pangasius	<i>Pangasius sanitwongsei</i>
		Cá vô đém	Spot pangasius	<i>Pangasius larnaudii</i>
		Cá hú	Pangasius	<i>Pangasius conchophilus</i> (<i>Pangasius nasutus</i>)
		Cá bông lau	Silver cobbler, Pangasius, Mekong catfish	<i>Pangasius krempfi</i>
		<u>Các loài khác có tên khoa học bắt đầu bằng</u> <i>Pangasius</i> hoặc <i>Pangasinodon</i>		
2	Chi <i>Clarias</i> (Chi Cá trê)	Cá trê vàng, Cá trê	Guntther's walking clarias fish, Walking clarias fish, Yellow clarias fish,	<i>Clarias macrocephalus</i>
		Cá trê đen	Whitespotted fish, Chinese fish	<i>Clarias fuscus</i>
		Cá trê vàng	Broadhead Clarias fish	<i>Clarias microcephalus</i>
		Cá trê trắng, Cá trê	Clarias, Walking clarias fish, Batrachian walking	<i>Clarias batrachus</i>

TT	Tên chi	Tên thương mại (tiếng Việt)	Tên thương mại (Tiếng Anh)	Tên khoa học (Genus species)
			clarias fish	
		Các loài khác có tên khoa học bắt đầu bằng <i>Clarias</i> hoặc <i>Bathyclarias</i> hoặc <i>Clariallabes</i>		
3	Chi <i>Hemibagrus</i> (Chi cá lăng)	Cá lăng vàng		<i>Hemibagrus nemurus</i>
		Cá lăng chấm		<i>Hemibagrus guttatus</i>
		cá lăng		<i>Hemibagrus centralus</i>
		cá lăng nha đuôi đỏ		<i>Hemibagrus microphthalmus</i>
		Cá lăng, cá huốt		<i>Hemibagrus microphthalmus</i>
		Cá chột	Long fatty finned mystus, Mystusfish	<i>Mystus cavasius</i>
		Các loài khác có tên khoa học bắt đầu bằng <i>Hemibagrus</i> , <i>Mystus</i> , <i>Bagrus</i> , <i>Bagroides</i> , <i>Bagrithys</i>		
4	Chi <i>Silurus</i> (Chi cá trên)	Cá trên kết, Cá trên răng	Sheat fish	<i>Belodotichthys dinema</i> (<i>Wallago dinema</i>)
		Cá trên bầu	Butter catfish	<i>Silurus bimaculatus</i> (<i>Ompok bimaculatus</i>)
		Cá leo	Giant sheat fish	<i>Silurus attu</i> (<i>Wallagonia attu</i>)
		Các loài khác có tên khoa học bắt đầu bằng <i>Silurus</i> , <i>Ompok</i> , <i>Wallagonia</i>		

Tài liệu tham khảo:

- Cơ sở dữ liệu toàn cầu về thủy sản (Fishbase): Fishbase.org
- Danh mục thủy sản cấu thành nên sản phẩm thủy sản Việt Nam ban hành kèm theo công văn số 3997/TS-KHCN ngày 31/12/2001 của Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Lưu ý: Một số loài có tên thương mại (Tiếng Anh) là catfish. Tuy nhiên, theo quy định của Hoa Kỳ, chỉ có các loài cá họ Ictaluridae (cá nheo Bắc Mỹ) mới được mang tên Catfish khi xuất khẩu vào thị trường này

Phụ lục 2. Số lượng mẫu, chỉ tiêu kiểm tra, lấy mẫu kiểm nghiệm các lô hàng cá bộ Siluriformes xuất khẩu vào Hoa Kỳ
(kèm theo công văn số 1374/QLCL-CL1 ngày 05/7/2016 của Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản)

1. Số mẫu thực hiện phân tích theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 2864/QĐ-BNN-QLCL ngày 24/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chỉ tiêu kiểm tra về chất lượng, an toàn thực phẩm đối với lô hàng thủy sản xuất khẩu.
2. Chỉ tiêu cảm quan/ngoại quan chỉ định kiểm tra và mức chấp nhận đối với lô hàng cá bộ Siluriformes xuất khẩu vào Hoa Kỳ theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 2864/QĐ-BNN-QLCL ngày 24/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Việc ghi nhãn theo quy định Hoa Kỳ được hướng dẫn tại 377/QLCL-CL1 ngày 08/3/2016 của Cục.
3. Chỉ tiêu vi sinh vật, hóa học chỉ định kiểm tra và mức giới hạn:

TT	Chỉ tiêu chỉ định kiểm tra	Mức giới hạn
1	Salmonella	n = 5, c = 0, không có trong 25g
2	Malachite Green/Leuco Malachite Green	Không cho phép
3	Enrofloxacin/Ciprofloxacin	Không cho phép
4	Crystal Violet	Không cho phép

Phụ lục 3. Mẫu Giấy chứng nhận An toàn thực phẩm
(Ban hành kèm theo công văn số **1371/QLCL-CL1** ngày **05/7/2016**
của Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản)



Tên, địa chỉ và số điện thoại Cơ quan kiểm tra
/Name, address and telephone of the inspection body

.....

**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỐI VỚI LÔ HÀNG CÁ BỘ
SILURIFORMES XUẤT KHẨU SANG HOA KỲ
HEALTH CERTIFICATE FOR SILURIFORMES CONSIGNMENT FOR
EXPORT TO THE U.S.A**

Số /Reference No:

I. Thông tin chung về lô hàng/Consignment information:

Chủ hàng/Name of Consignor : Địa chỉ/Address : Số điện thoại/Tel :			Tên cơ sở sản xuất/Name of the establishment : Địa chỉ/Address : Mã số/Approval Number :		
Mô tả hàng hóa/Description of Goods : Khối lượng lô hàng/Quantity (kg): Mã số lô hàng/Lot number: Số container/Seal:			Nhiệt độ bảo quản/ Storage temperature: Thường/Ambient ☐ Ướp lạnh/Chilled ☐ Đông lạnh/ Frozen ☐		
TT/ No	Loài/Species (tên Khoa học/Scientific name)	Quy cách đóng gói, bao gói/Type of packaging	Số lượng bao gói/Number of packages	Khối lượng tĩnh/Net weight (kg)	Ngày sản xuất/Date (period) of Production:
Ngày xuất khẩu/ Date of dispatch (nếu có/if applicable) :			Phương tiện vận chuyển/Mean of Conveyance: Tàu biển/Ship ☐ Máy bay/Airplan ☐ Khác/Other ☐		

II. Chứng nhận/Attestation: Lô hàng đủ điều kiện xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo quy định 2636/QĐ-BNN-QLCL ngày 29/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT/ This consignment is satisfactory for export to the U.S.A according to Decision number 2636/QĐ-BNN-QLCL dated 29/6/2016 of Ministry of Agriculture and Rural Development.

Ngày cấp/Date of issue:

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA
/DIRECTOR OF INSPECTION BODY**
(Ký và đóng dấu/Signature and stamp)

Phụ lục 4. Tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra, lấy mẫu kiểm nghiệm cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm

*(Ban hành kèm theo công văn số **1371**/QLCL-CL1 ngày **05** /7/2016 của Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản)*

TT	Số lô đăng ký	Số lô được cấp GCN	Số lô hàng bị từ chối cấp GCN theo từng lý do					
			Cảm quan, ngoại quan	MG/ LMG	Enro/ Cipro	Cystal Violet	Salmonella	Tổng
1	Công ty ABC (Mã số:...)							
	xxx	xxx						
2	Công ty XYZ (Mã số:....)							
	xxx	xxx						

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm đối với
lô hàng cá bộ Siluriformes xuất khẩu vào Hoa Kỳ**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ thông báo ngày 02/12/2015 của Cơ quan Thanh tra An toàn thực phẩm (FSIS), Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ về việc triển khai Chương trình thanh tra cá bộ Siluriformes theo quy định của Luật Nông nghiệp Hoa Kỳ 2014;

Xét đề nghị của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) tại công văn số 94/2016/CV-VASEP ngày 22/6/2016;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng chế độ kiểm tra, lấy mẫu kiểm nghiệm chứng nhận an toàn thực phẩm đối với từng lô hàng cá bộ Siluriformes xuất khẩu vào Hoa Kỳ, cụ thể như sau:

1. Thời gian áp dụng: các lô hàng xuất khẩu từ 15/7/2016 đến 15/10/2016
2. Chỉ tiêu kiểm nghiệm: Salmonella, Malachite Green/Leuco Malachite Green, Enrofloxacin/Ciprofloxacin và Crystal Violet

Điều 2. Chi phí kiểm tra, kiểm nghiệm chứng nhận lô hàng do doanh nghiệp chi trả theo quy định hiện hành.

Điều 3 Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản có trách nhiệm:

1. Tổ chức hướng dẫn các đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này.
2. Tổ chức thực hiện kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm cho các lô hàng cá bộ Siluriformes xuất khẩu vào Hoa Kỳ theo quy định tại Điều 1 của Quyết định này.

3. Tổng kết đánh giá kết quả thực hiện sau thời gian nêu trên và đề xuất phương án kiểm soát trong thời gian tiếp theo.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản và Giám đốc các cơ sở chế biến xuất khẩu cá bộ Siluriformes chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để b/c);
- VASEP;
- Lưu: VT, QLCL. (10)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Văn Tám